

Bản án số: 598/2025/HC-PT
Ngày: 29 – 12 - 2025
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố
Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính
thụ lý số: 170/2025/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Khiếu kiện
quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2025/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm
2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1883/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng
11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Dũng S, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm
A, phường A, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Huỳnh V, sinh năm 1986 (có
mặt);

Địa chỉ: Tổ D, khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là
khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Luật sư Ngô Thị Kim X thuộc

Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường C phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân thành phố H;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Đồng Tháp (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Đồng Tháp) (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1965 (vắng mặt);

2. Ông Trần Thanh B, sinh năm 1989 (có mặt);

3. Ông Trần Bình T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Trần Dũng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/01/2025, người khởi kiện ông Trần Dũng S trình bày:

Vào khoảng năm 1991 ông S về công tác khung cải tạo thanh niên chậm tiến, do ông có khai hoang và bồi đắp phần đất cặp bờ sông có một mặt giáp lộ nhựa ĐT 842 phần đất này ông dùng để trồng cây lấy gỗ để sử dụng, đến khoảng năm 2001 thì ông có cất nhà lên một phần của thửa đất này phần còn lại vẫn là cây do ông trồng.

Năm 2015 nhà nước thu hồi đất của 07 người sử dụng đất liền kề với ông nhưng ông không biết việc có bồi thường; lúc đó Ủy ban nhân dân xã A (nay phường A thành phố H) có đến tiếp xúc và vận động gia đình ông giao đất để làm cầu cảng, thì ông nghĩ là công trình của nhà nước làm vì nhân dân và nhân dân sẽ được hưởng lợi, sử dụng chung nên ông có ký vào biên bản tiếp xúc là sẽ giao đất cho nhà nước sử dụng, nhưng sau đó Ủy ban nhân dân thành phố H lại thông báo giao đất cho công ty T3 thuê nhằm mục đích kinh doanh của công ty T3 nên ông không đồng ý và yêu cầu bồi thường về đất, cây trồng trên đất.

Ông không thống nhất và có đơn khiếu nại thì ngày 23/6/2023 Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành văn bản số 1720/UBND-HC về việc trả lời đơn khiếu nại của ông là không xem xét giải quyết theo yêu cầu của ông.

Ông khiếu nại yêu cầu được bồi thường về quyền sử dụng đất và thành quả công lao bồi đắp của ông đối với phần diện tích 392,0m² này, trong quá trình giải quyết khiếu nại Ủy ban nhân dân thành phố H không thống nhất bồi thường giá trị về đất cho ông theo giá thực tế đồng thời ban hành quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 không chấp nhận yêu cầu bồi thường về đất của ông, sau đó ông có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ để tiếp tục yêu cầu bồi thường về đất và xem xét lại quyết định số 44/QĐ/UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Ngày 20/8/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định số 166/QĐ/UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông với nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông và giữ nguyên Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Ngày 21/11/2024 Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H tỉnh Đồng Tháp ra thông báo số 702/TB – UBND yêu cầu ông di dời tài sản ra nơi khác trả lại đất.

Phần đất này hiện nay ông đang sử dụng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai; Do đó Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi đất của ông để giao cho công ty T3 sử dụng vào mục đích kinh doanh của công ty tư nhân mà không bồi thường cho ông là làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 1720/UBND-HC ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn.

- Hủy Quyết định số 44/QĐ-UBND, ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Hủy Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ, ngày 24/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

- Hủy Thông báo số 702/TB- UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Theo Văn bản ý kiến số 219/UBND, ngày 01/4/2025 của người bị kiện là Ủy ban nhân dân phường A trình bày:

Vấn đề này Ủy ban nhân dân phường A trả lời như sau:

Thực hiện Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ ngày 20/8/2024 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Trần Dũng S. Nội dung trong Quyết định Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ ngày 20/8/2024 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã có hiệu lực pháp luật, đã hết thời gian đã quy định trong Quyết định. Nhưng ông Trần Dũng S không khởi kiện Quyết định theo nội dung trong Quyết định.

Từ những quy định pháp luật nêu trên, Ủy ban nhân dân phường A ra Thông báo số 702/TB-UBND yêu cầu ông Trần Dũng S chấp hành thực hiện Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ ngày 20/8/2024 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, là di dời tài sản, cây Bạch Đàn và những cây trồng khác trả lại khu đất sân bãi, cầu B, phường A, thành phố H, do Công ty TNHH T3Nguyễn đã trúng đấu giá Quyền sử dụng đất là đúng với quy định của pháp luật.

Theo Văn bản ý kiến số 950/UBND.HC, ngày 01/4/2025 của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

- Năm 1990 - 1991, ông Trần Dũng S (chồng bà Nguyễn Thị D1) về công tác tại Khung Cải tạo thanh thiếu niên chậm tiến huyện H (do Xí nghiệp gạch ngói và than bùn giải thể), có cất 01 căn nhà ở trên phần đất của K Cải tạo.

- Khoảng năm 2003, K Cải tạo thanh niên chậm tiến giải thể và giao lại cho C công nghiệp; thời điểm này có 03 hộ cất nhà trong Khung Cải tạo được Nhà nước hỗ trợ di dời nhà ra khỏi khu vực Khu N để Nhà nước giao mặt bằng cho C công nghiệp, gồm: hộ ông S, hộ ông M và hộ ông B1. Riêng 02 hộ ông M và ông B1 di dời nhà đi nơi khác, còn hộ ông S thì dời căn nhà cất trên phần đất lõi đi vận chuyển gạch ngói, than bùn nằm cặp mé kênh H - V, sử dụng cho đến nay.

- Đến năm 2007, khi thực hiện dự án nâng cấp Tỉnh lộ ĐT842 (nay là đường T), Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H) chấp thuận cho Công ty K3 lấy phần đất mặt để tu bổ Tỉnh lộ ĐT842, sau khi lấy đất mặt hiện trạng là đất học lộ.

Đến năm 2010, Công ty V2 thực hiện nạo vét bến thủy, cầu cảng hiện hữu và đổ phần đất nạo vét vào học lộ (phần diện tích 392,0m² cặp bên cạnh nhà ông S hiện hữu) để trả lại mặt bằng cũ như trước đây (đất trống chưa sử dụng) và cũng trong năm 2010, hộ bà Nguyễn Thị D1 (vợ ông S) bao chiếm trồng cây và sử dụng cho đến nay (theo Văn bản số 85/PTNMT ngày 16/4/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H về việc báo cáo kết quả đo đạc thu hồi đất công trình Cầu cảng cụm công nghiệp xã A).

Năm 2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H (nay là thành phố H) phối hợp cùng các ngành chức năng thuộc Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) và Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A) thực hiện khảo sát, đo đạc vị trí quy hoạch Cầu C (nay là Cụm C), thì tổng số hộ có đất bị thu hồi là 08 hộ, trong đó: 07 hộ đủ điều kiện được bồi thường về đất và 01 hộ không đủ điều kiện bồi thường về đất (hộ bà Nguyễn Thị D1 là vợ ông S).

- Ngày 15/5/2015, Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A) đã tiếp xúc với ông S, ghi nhận như sau: Ông S thống nhất giao lại phần đất 392,0m² tại

Cụm C (nay là Cụm C) mà Ông đang sử dụng trồng cây bạch đàn, để xây dựng Cầu cảng và cam kết sẽ không khiếu nại. Tuy nhiên, ông S yêu cầu được hỗ trợ chi phí chặt cây bạch đàn mà Ông đã trồng trên đất.

- Ngày 27/12/2016, Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) ban hành Quyết định số 477/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến thủy Cụm công nghiệp, xã A. Theo đó, tổng diện tích là 2.072,0m² (trong đó: diện tích đất do Nhà nước quản lý là 700,0m², gồm: 392,0m² đất Cụm công nghiệp và 308,0m² đất giao thông; diện tích đất thu hồi của các hộ dân (07 hộ): 1.372,0m² (đất ở); không có tên hộ ông S).

- Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố H tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đối với khu đất sân bãi, cầu B, phường A. Kết quả, Công ty TNHH T3 đã trúng đấu quyền sử dụng đất, với giá trúng đấu là 3.891.000.000 đồng, các thửa đất số 767, 768, 769, 770, 771, 772 tờ bản đồ số 2, tổng diện tích 1.484m², đất cơ sở S1. Công ty TNHH T3 đã nộp đầy đủ tiền thuê đất.

- Ngày 12/4/2023, Ban Q1 phối hợp với Phòng T, Phòng Q2, Chi nhánh Văn phòng Đ và Ủy ban nhân dân phường A tiến hành đo đạc phục hồi lại và cắm mốc ranh đất do Nhà nước quản lý để giao cho Công ty TNHH T3, thì gia đình ông S ra ngăn cản, không cho đoàn tiến hành đo đạc (theo Biên bản lập ngày 13/4/2023).

- Ngày 19/4/2023, ông Trần Dũng S có gửi đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân thành phố H yêu cầu giải quyết bồi thường đất theo giá thực tế cho gia đình Ông; không thống nhất việc Nhà nước giao đất cho Công ty TNHH T3.

- Ngày 23/6/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Văn bản số 1720/UBND-HC, với nội dung: *“Nguồn gốc đất mà ông Trần Dũng S yêu cầu bồi thường, trước đây là của Xi nghiệp sản xuất gạch ngói và than bùn của huyện H vào khoảng năm 1984, diện tích 392,0m² do Nhà nước quản lý. Hiện nay, khu đất này đã được Ủy ban nhân dân thành phố H tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đối với khu đất sân bãi, cầu B, phường A. Do đó, việc Ông yêu cầu Nhà nước bồi thường đất cho gia đình Ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết”*.

Không thống nhất với kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố, ngày 03/7/2023 ông S gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Tỉnh. Ông yêu cầu hủy Văn bản số 1720/UBND-HC ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố, yêu cầu ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường đất do thực hiện Công trình bến thủy cụm công nghiệp An Bình A cho gia đình Ông theo quy định. Ngày 05/9/2023, Sở T4 ban hành Báo cáo số 3754/STNMT-TTr về việc giải quyết đơn của ông Trần Dũng S. Ngày 21/11/2023, Văn phòng Ủ Văn bản số 295/VPUBND-TCĐ về việc truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, giao Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết khiếu nại của ông S theo thẩm quyền.

Ngày 30/11/2023, Thanh tra Thành phố H làm việc với ông S, theo đó Ông khiếu nại Văn bản 1720/UBND-HC ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H, yêu cầu Nhà nước giao đất cho Công ty TNHH T3 thì phải giải quyết bồi thường đất theo giá thị trường cho gia đình Ông.

Qua xác minh, ngày 23/12/1993 Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H) ban hành Quyết định số 1227/QĐ-UB về việc tạm giao quyền sử dụng đất đai, với nội dung *“Tạm giao quyền sử dụng đất đai cho 27 hộ hiện ngụ tại ấp A, xã A mỗi hộ với diện tích 180m² (6x30m) thuộc phần đất do trại giáo dục thanh niên đang quản lý tọa lạc tại ấp A xã A huyện H”*. Trong số 27 hộ được tạm giao quyền sử dụng đất có các hộ Dương Văn H, Dương Văn T1, Võ Văn K1, Phạm Văn H1, Lê Văn V1, Lâm Văn T2, Huỳnh Văn L.

- Ngày 27/12/2016, Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành Văn bản số 1345/UBND-XDCB về việc xác nhận các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc công trình Bến thủy Cùm công nghiệp, theo đó có 07 trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm Ngô Văn K2, Dương Văn H2, Dương Thị H3, Phan Văn H4, Dương Văn Q, Dương Văn T1, Dương Văn H. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị xã H đã ban hành các quyết định thu hồi đất và các quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với 07 hộ này và 07 hộ đã nhận đầy đủ tiền bồi thường, hỗ trợ, cam kết tự lo chỗ ở mới.

Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu, ngày 22/4/2015 Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) ban hành Văn bản số 373/UBND-XDCB về việc xác minh, làm rõ việc hộ bà Nguyễn Thị D1 (vợ ông S) lấn chiếm đất cầu cảng Cùm công nghiệp, với nội dung *“Giao Ủy ban nhân dân xã A khẩn trương tiến hành xác minh làm rõ việc hộ bà Nguyễn Thị D1 bao chiếm đất công tại phần đất cầu cảng Cùm công nghiệp, xã A, trường hợp hộ bà D1 có bao chiếm đất công do Nhà nước quản lý sau ngày 01/7/2004 thì lập biên bản về hành vi lấn chiếm và buộc phải khôi phục lại hiện trạng trước khi bị lấn chiếm”*. Tại Văn bản số 648/UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân phường A xác nhận: *“Ngày 15/5/2015 xã A đã lập biên bản làm việc ông Trần Dũng S thống nhất giao diện tích 392m² cho Nhà nước để làm cầu cảng Cùm công nghiệp. Do hộ ông Trần Dũng S thống nhất giao đất bao chiếm nên Ủy ban nhân dân xã không lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính”*. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế hộ ông S vẫn tiếp tục trồng cây cho đến nay.

Ngày 12/01/2024, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Dũng S (lần đầu). Không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Dũng S về việc yêu cầu bồi thường đất theo giá thực tế cho gia đình Ông, do Nhà nước giao đất cho Công ty TNHH T3. Lý do, khiếu nại của ông Trần Dũng S là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Ủy ban nhân dân thành phố H đề nghị Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ, để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo Văn bản ý kiến số 03/UBND-TCĐNC, ngày 07/3/2025 của người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Tiếp nhận Thông báo số 11/2025/TLST-HC ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ý kiến và cung cấp các tài liệu, chứng cứ Thêm quan vụ kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai ông Trần Dũng S. địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh có ý kiến như sau:

Nguồn gốc đất ông Trần Dũng S khiếu nại thuộc Khu vực Xí nghiệp sản xuất gạch ngói và than bùn trước đây, do Nhà nước quản lý. Năm 1990-1991, Xí nghiệp sản xuất gạch ngói và than bùn giải thể, bàn giao lại cho Khung Cải tạo thanh thiếu niên chậm tiến huyện H quản lý. Tại thời điểm này, ông Trần Dũng S (vợ là bà Nguyễn Thị D1) công tác tại Khung Cải tạo thanh thiếu niên chậm tiến huyện H và có xây cất 02 căn nhà trên phần đất của K Cải tạo thanh thiếu niên chậm tiến để ở.

Ngày 23/12/1993, Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H) ban hành Quyết định số 1227/QĐ-UB về việc tạm giao quyền sử dụng đất đai, cho 27 hộ hiện ngụ tại ấp A, xã A (nay là phường A) mỗi hộ với diện tích 180m² (6m x 30m) thuộc phần đất do Trại giáo dục thanh niên đang quản lý. Ông Trần Dũng S không có tên trong danh sách được giao.

Ngày 05/6/2006, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1035/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Cụm C - ấp A, xã A. Theo đó, có bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông Trần Dũng S và bà Nguyễn Thị D1 với tổng số tiền là 33.310,844 đồng. Ông Trần Dũng S và bà Nguyễn Thị D1 đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ xong, nhưng tiếp tục cất nhà ở trên phần đất lối đi vận chuyển gạch ngói, than bùn nằm cặp mé kênh H - V.

Ngày 27/12/2016, Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) ban hành Quyết định số 477/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến thủy Cụm công nghiệp, xã A, với tổng diện tích là 2.072,0m²; trong đó: Diện tích đất do Nhà nước quản lý là 700,0m² (gồm: 392,0m² đất Cụm công nghiệp và 308,0m² đất giao thông), diện tích đất thu hồi của các hộ dân (07 hộ): 1.372,0m² đất ở. Ông Trần Dũng S không có tên trong phương án bồi thường, hỗ trợ.

Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố H tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng đối với khu đất sân bãi, cầu B. Kết quả, Công ty TNHH T3 đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Năm 2023, ông Trần Dũng S có đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết bồi thường đất theo giá thực tế cho gia đình Ông, không thông nhất việc Nhà nước giao đất cho Công ty TNHH T3 đối với phần đất mà Ông cho rằng đã sử dụng từ năm 1991.

Ngày 12/01/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND, giải quyết: Bác đơn khiếu nại của ông Trần Dũng S về cầu bồi thường đất yêu đất theo gia thực tế cho gia đình Ông, do nhà nước giao đất cho Công ty TNHH T3. Lý do Khiếu nại của ông Trần Dũng S là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Ông Trần Dũng S không thống nhất tiếp tục khiếu nại. Ngày 20/8/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Dũng S (lần hai) với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 44/QĐ-UBND.HC ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Ông Trần Dũng S không thống nhất, tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Dũng S (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ ngày 20/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Dũng S (lần hai).

- Hủy Văn bản số 1720/UBND-HC ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn của ông Trần Dũng S, địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H;

- Hủy Thông báo số 702/TB-UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH13 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Dũng S. Giữ nguyên Quyết định số 166/QĐ- NĐ ngày 20/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Dũng S (lần hai).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2025/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Dũng S về việc yêu cầu hủy Văn bản số 1720/UBND-HC ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn; Quyết định số 44/QĐ-UBND, ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ, ngày 24/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại lần 2 và Thông báo số 702/TB- UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp về việc yêu cầu di dời cây trồng để giao đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo

quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2025 người khởi kiện ông Trần Dũng S kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Trần Dũng S (có ông Trần Huỳnh Võ L1 đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Ông S là người trực tiếp quản lý sử dụng ổn định phần đất từ năm 2002, đã xây dựng nhà ở, quá trình sử dụng không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, không có quyết định về việc giao phần đất cho cơ quan Nhà nước quản lý. Quyết định của Ủy ban nhân dân không xem xét đến công sức khai hoang, đóng góp, quá trình sử dụng đất của người dân. Ban đầu thu hồi phần đất để xây dựng cầu cảng nhưng sau đó chuyển công năng cho công ty T3 thuê để kinh doanh, không phải là dự án xã hội vì lợi ích cộng đồng. Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không nêu vấn đề đầu tư trên đất của ông S. Trình tự thủ tục thu hồi đất không đảm bảo quy định pháp luật, ý chí của ông S chỉ thể hiện việc giao đất vì mục đích chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị kiện.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Quá trình thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố H đối với phần đất có diện tích 392m² do ông Trần Dũng S quản lý, sử dụng như sau:

Nguồn gốc phần đất do ông Trần Dũng S quản lý, sử dụng thuộc Khu vực Xí nghiệp sản xuất gạch ngói và than bùn trước đây, do Nhà nước quản lý.

Năm 1990-1991, Xí nghiệp sản xuất gạch ngói và than bùn giải thể, bàn giao lại cho Khung Cải tạo thanh thiếu niên chậm tiến huyện H quản lý. Tại thời điểm này, ông Trần Dũng S (vợ là bà Nguyễn Thị D1) công tác tại Khung Cải tạo thanh thiếu niên chậm tiến huyện H và có xây cất 2 căn nhà trên phần đất của K để ở.

Ngày 23/12/1993, Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H) ban hành Quyết định số 1227/QĐ-UB về việc tạm giao quyền sử dụng đất đai, cho 27 hộ hiện ngụ tại ấp A, xã A (nay là phường A) mỗi hộ với diện tích 180m² (6m x 30m) thuộc phần đất do Trại giáo dục thanh niên đang quản lý. Ông Trần Dũng S không có tên trong danh sách được giao.

Ngày 05/6/2006, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1035/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Cụm C - ấp A, xã A. Theo đó, có bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông Trần Dũng S và bà Nguyễn Thị D1 với tổng số tiền là 33.310.844 đồng. Trong đó, ông Trần Dũng S được bồi thường hỗ trợ (nhà, cây trồng và chính sách hỗ trợ) với tổng số tiền là 27.0948.080 đồng; Bà Nguyễn Thị D1 (vợ ông S) được bồi thường nhà và chính sách hỗ trợ với tổng số tiền là 5.362.760 đồng. Ông Trần Dũng S và bà Nguyễn Thị D1 đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ xong và di dời nhà ở lên trên phần đất lối đi vận chuyển gạch ngói, than bùn nằm cặp mé kênh H - V sử dụng cho đến nay.

Ngày 15/5/2015 Ủy ban nhân dân xã A (N là Phường A) tiếp xúc làm việc với ông Trần Dũng S thống nhất giao phần đất 392,0m² tại Cụm C (nay là Cụm C) mà ông S đang sử dụng trồng cây bạch đàn để xây dựng cầu cảng và cam kết là không khiếu nại. Tuy nhiên, thời điểm đó ông S có yêu cầu được hỗ trợ bồi thường cây trồng trên phần đất quy hoạch.

Ngày 27/12/2016, Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) ban hành Quyết định số 477/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến thủy Cụm công nghiệp, xã A, với tổng diện tích là 2.072,0m²; trong đó: Diện tích đất do Nhà nước quản lý là 700,0m² (gồm: 392,0m² đất Cụm công nghiệp và 308,0m² đất giao thông), diện tích đất thu hồi của các hộ dân (07 hộ): 1.372,0m² đất ở. Ông Trần Dũng S không có tên trong phương án bồi thường, hỗ trợ.

Năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố H tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đối với khu đất sân bãi, cầu B, Phường A. Theo đó, Công ty TNHH T3 đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Ngày 12/4/2023, Ban Q1 phối hợp với Phòng T, Phòng Q2, Chi nhánh Văn phòng Đ và Ủy ban nhân dân phường A tiến hành đo đạc phục hồi lại và cắm mốc ranh đất do Nhà nước quản lý để giao cho Công ty TNHH T3, thì gia đình ông S ra ngăn cản, không cho đoàn tiến hành đo đạc (theo Biên bản lập ngày 13/4/2023).

Ngày 19/4/2023, ông Trần Dũng S có gửi đơn kiến nghị gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố H yêu cầu giải quyết bồi thường đất theo giá thực tế cho gia đình ông; ông không thống nhất việc Nhà nước giao đất cho Công ty TNHH T3.

Ngày 23/6/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Văn bản số 1720/UBND-HC, với nội dung: *“Nguồn gốc đất mà ông Trần Dũng S yêu cầu bồi thường, trước đây là của Xí nghiệp sản xuất gạch ngói và than bùn của huyện H vào khoảng năm 1984, diện tích 392,0m² do Nhà nước quản lý. Hiện nay, khu đất này đã được Ủy ban nhân dân thành phố H tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đối với khu đất sân bãi, cầu B, phường A. Do đó, việc Ông yêu cầu Nhà nước bồi thường đất cho gia đình Ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết”*.

Năm 2023, ông Trần Dũng S có đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết bồi thường đất theo giá thực tế cho gia đình ông, không thống nhất việc Nhà nước giao đất cho Công ty TNHH T3 đối với phần đất mà Ông cho rằng đã sử dụng từ năm 1991.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 (giải quyết khiếu nại lần 1), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành ban hành Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ ngày 20/8/2024 (giải quyết khiếu nại lần 2) bác khiếu nại của ông S.

Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Văn bản số 1720/UBND-HC ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn.

- Huỷ Quyết định số 44/QĐ-UBND, ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Huỷ Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ, ngày 24/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

- Hủy Thông báo số 702/TB- UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bị kiện cho rằng các quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

Ông Trần Dũng S cho rằng phần đất đang tranh chấp diện tích 392,0m² trồng cây là của gia đình ông sử dụng từ năm 1991. Tuy nhiên ông S không có giấy tờ gì để chứng minh rằng gia đình ông đã sử dụng từ năm 1991.

Căn cứ vào quy định của luật đất đai có quy định về điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất; các quy định về việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất khi nhà nước thu hồi (theo quy định tại khoản 1 Điều 95; Khoản 3 Điều 96 luật đất đai 2024) thì phần diện tích đất 392,0m² đất mà ông S yêu cầu bồi thường thì ông S không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận và không đủ điều kiện để bồi thường về đất. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố H xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông S là có căn cứ.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và quyết định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ông Trần Dũng S, sinh năm 1963 nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Dũng S; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Áp dụng các Điều 18, 21, 27, 28, 30, 31 của Luật khiếu nại 2011; các Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 95, 96 Luật đất đai 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Dũng S về việc yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 1720/UBND-HC ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn;

- Hủy Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Hủy Quyết định số 166/QĐ-UBND-NĐ, ngày 24/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại lần 2;

- Hủy Thông báo số 702/TB- UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp về việc yêu cầu di dời cây trồng để giao đất.

2. Ông Trần Dũng S được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- NKK (1);
- NBK (4);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 23b (ÁnTTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên